

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 187/2023/DS-PT

Ngày 21 - 4 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Dũng

- **Các Thẩm phán:** Ông Lê Hồng Nước

Bà Lê Thị Trúc Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2023/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị T: Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1954.

Địa chỉ: số C, Rạch C, khóm B, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1974 (tên gọi khác H1).

Địa chỉ: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Mai Thị H: Ông Trần Hồ N là Luật sư của Công ty L và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.

3. Người kháng cáo: Chị Mai Thị H, là bị đơn.

(Ông K, chị H, Luật sư N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị T do ông Nguyễn Xuân K trình bày:

Chị Lê Thị T cho chị Mai Thị H và anh Lê Văn K1 vay tiền nhiều lần, ngày 17/9/2018 âm lịch (ngày 17/10/2018 dương lịch) làm biên nhận nợ 100.000.000 đồng, biên nhận nợ do chị H viết, ký tên và ghi họ tên, anh K1 ký tên và ghi họ tên. Sau khi viết biên nhận nợ chị H đóng lãi được 10.200.000 đồng, ngoài số tiền lãi này chị T không còn nhận số tiền lãi nào, chị H và anh K1 cũng không trả số tiền vốn 100.000.000 đồng.

Đến ngày 03/11/2019 chị H vay tiếp 23.000.000 đồng, biên nhận do chị H viết, ký tên và ghi họ tên, chị H vay tiền nói để làm ăn trong gia đình, phát lương cho người khác, còn việc chị H sử dụng tiền vào mục đích gì chị T không biết.

Số tiền 100.000.000 đồng chị T yêu cầu tính lãi từ ngày 17/10/2018 đến tháng 11/2022 là 49 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi là 40.670.000 đồng – 10.200.000 đồng tiền lãi đã nhận, còn lại 30.470.000 đồng.

Số tiền 23.000.000 đồng chị T yêu cầu tính lãi từ ngày 03/11/2019 đến ngày 03/11/2022 là 36 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi là 6.872.000 đồng.

Qua giám định anh K1 không có ký tên vào 02 biên nhận, chị T không yêu cầu anh K1 liên đới với chị H trả tiền vay vốn và lãi. Chị T chỉ yêu cầu chị H trả số tiền vốn và lãi tính đến tháng 11/2022 tổng cộng là 160.342.000 đồng (trong đó vốn 123.000.000 đồng và lãi 37.342.000 đồng).

Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn chị Mai Thị H trình bày:

Chị H thừa nhận có nợ chị T số tiền 30.000.000 đồng, có làm 01 biên nhận do chị T giữ, chị H ký tên anh K1 không ký tên, chị H không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong biên nhận ngày 17/9/2018 âm lịch và biên nhận ngày 03/11/2019 âm lịch.

Tại phiên tòa chị H thừa nhận biên nhận ngày 03/11/2019 do chị viết, ký tên, sau đó chị có nợ thêm chị T số tiền 7.000.000 đồng (số tiền này không làm biên nhận), tổng cộng 30.000.000 đồng, không có làm biên nhận 30.000.000

đồng, thỏa thuận lãi suất bằng lời nói 1.000.000 đồng, mỗi ngày 10.000 đồng tiền lãi (mỗi ngày đóng 600.000 đồng), chị đóng lãi đến ngày 14/4/2020 âm lịch không còn khả năng đóng lãi nữa, cũng chưa trả vốn, khi đóng lãi không làm giấy tờ, không ai chứng kiến, vay tiền để tiêu xài cá nhân.

Ngày 17/9/2018 âm lịch, chị H không viết biên nhận nợ 100.000.000 đồng, chị H và anh K1 không ký tên vào biên nhận, chị hoàn toàn không biết biên nhận này. Tại phiên tòa chị H thừa nhận biên nhận nợ ngày 03/11/2019 với số tiền 23.000.000 đồng do chị ký tên ghi rõ họ và tên.

Chị H không đồng ý với kết luận giám định số: 1012/KL-KTHS ngày 07/11/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ, chị H không yêu cầu giám định lại do chị không ký tên biên nhận ngày 17/9/2018 âm lịch.

Chị H không đồng ý trả cho chị T số tiền 123.000.000 đồng và lãi 37.342.000 đồng, chị H đồng ý một mình trả cho chị T số tiền 30.000.000 đồng, chị đồng ý trả lãi từ ngày 15/4/2020 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ kiện với lãi suất 0,83%/tháng, chị không đồng ý anh K1 liên đới trả nợ cho chị T.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc yêu cầu chị Mai Thị H trả tiền vốn vay và lãi.

Buộc chị Mai Thị H trả cho chị Lê Thị T số tiền vốn vay và lãi còn thiếu tổng cộng là 160.342.000 đồng (trong đó vốn vay là 123.000.000 đồng và lãi là 37.342.000 đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Mai Thị H phải chịu 8.017.100 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.732.500 đồng theo biên lai thu số 0009073 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Chị Mai Thị H phải trả cho chị Lê Thị T số tiền 14.880.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết theo phiếu thu ngày 09/11/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 13/12/2022, chị Mai Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết, sửa bản án sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh b chị trả số tiền 160.342.000 đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Xuân K là người đại diện của chị Lê Thị T và chị Mai Thị H thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Chị Mai Thị H đồng ý trả cho chị Lê Thị T 148.000.000 đồng (trong đó tiền vốn 123.000.000 đồng và tiền lãi 25.000.000 đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Mai Thị H phát biểu. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Người đại diện của chị Lê Thị T và chị Mai Thị H thống nhất thỏa thuận, chị H chỉ trả cho chị T tiền vốn và tiền lãi 148.000.000 đồng, việc thỏa thuận là phù hợp và có lợi cho chị H. Về án phí chị Hường xin miễn có cung cấp giấy chứng nhận hộ nghèo nên có căn cứ xem xét. Từ những phân tích trên Bản án sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành cần sửa một phần do đương sự thỏa thuận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của chị Mai Thị H nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Mai Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết, sửa bản án sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh b chị trả số tiền 160.342.000 đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của chị Lê Thị T và chị Mai Thị H thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án: Chị Mai Thị H đồng ý trả cho chị Lê Thị T 148.000.000 đồng tiền vay còn nợ (trong đó tiền vốn 123.000.000 đồng và tiền lãi 25.000.000 đồng). Xét thấy, việc thỏa thuận giữa người đại diện của chị T và chị H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của chị H là phù hợp. Do công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và chị H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị H là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án nên án phí tính lại cho phù hợp, chị H có giấy chứng nhận hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Mai Thị H.
2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.
3. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị T và chị Mai Thị H như sau:

Chị Mai Thị H trả cho chị Lê Thị T 148.000.000 đồng tiền vay còn nợ (trong đó tiền vốn 123.000.000 đồng và tiền lãi 25.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mai Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.732.500 đồng theo biên lai thu số 0009073 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về chi phí giám định: Chị Mai Thị H phải trả lại cho chị Lê Thị T số tiền 14.880.000 đồng chi phí giám định theo phiếu thu ngày 09/11/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Mai Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Dũng